

Câu trả lời ngắn trong tiếng Anh

A. Cách sử dụng Also và Too trong tiếng Anh

Cả **also** và **too** đều có nghĩa là **cũng**. Nói chung có thể sử dụng từ nào cũng được nhưng vị trí có khác nhau. **Too** thường được dùng hơn **also**.

- **also** thường được đi theo động từ, đặt trước các động từ thường và sau trợ động từ.

Ví dụ:

- He **is** also an intelligent man. Hắn **cũng** là một kẻ thông minh. - They **also** work hard on **Sunday**. Họ **cũng** làm việc vất vả vào chủ nhật.

- **too** thường được đặt ở cuối câu.

Ví dụ:

- He **is** an intelligent man, **too**. They work hard on **Sunday**, **too**.

B. Câu trả lời ngắn trong tiếng Anh

Short Answer là câu trả lời ngắn.

Chúng ta dùng những **câu trả lời ngắn** khi không muốn lặp lại những điều của câu hỏi. Trong câu trả lời ngắn thường lặp lại trợ động từ của câu hỏi. Một trong những dạng câu trả lời ngắn chúng ta đã biết là câu trả lời **Yes/No**. Khi không muốn lặp lại một điều gì đó trong các câu nói bình thường ta cũng dùng trợ động từ theo cách thức này.

Ví dụ:

- 'Are you working tomorrow?' 'Yes, I am.' (= I am working...) Ngày mai anh có làm việc không? Có. - He could lend us the money but he won't. (= He won't lend us...) Hắn có thể cho chúng tôi mượn tiền nhưng hắn sẽ không cho mượn. - 'Does he smoke?' 'He did but he doesn't any more.' (= He smoked but he doesn't smoke...) Anh ta có hút thuốc không? Anh ta đã từng hút nhưng không còn hút nữa.

Đặc biệt với các câu trả lời **cũng vậy...** ta dùng **so** hoặc **too**.

Ví dụ:

- 'I like this film.' 'So do I.' 'I do, too.' "Tôi thích bộ phim này." "Tôi cũng vậy"

Cấu trúc của dạng trả lời này là:

So + Trợ động từ + Đại từ

hoặc

Đại từ + Trợ động từ + , too

Trong trường hợp trả lời **cũng không**, ta không dùng *so* hay *too* mà dùng **neither, either** hoặc **nor**.

Ví dụ:

- 'I am not very well.' 'Neither do I.' 'Nor do I.'
'I'm not either.' Tôi không khỏe lắm. Tôi cũng không.

Cấu trúc của dạng trả lời này là:

Neither/Nor + Trợ động từ + Đại từ

hoặc

Đại từ + Trợ động từ + not + either

Ví dụ:

- 'I'm feeling tired.' 'So am I.' Tôi cảm thấy mệt. Tôi cũng thế. - 'I never read newspapers.' 'Neither do I.' Tôi không bao giờ đọc báo. Tôi cũng không. - 'I can't remember his name.' 'Nor can I. / Neither can I.' Tôi không thể nhớ tên hắn. Tôi cũng không. - 'I haven't got any money.' 'I haven't either.' Tôi không có được đồng nào. Tôi cũng không. - I passed the examination and so did Tom. Tôi thi đậu và Tom cũng vậy.

Ngoài ra còn có một số **câu trả lời ngắn** thông dụng sau:

I think so. : Tôi nghĩ thế. I hope so. : Tôi hy vọng thế. I suppose so. : Tôi cho là thế I expect so. : Tôi đoán thế. I'm afraid so. : Tôi e là thế.

Trong trường hợp dùng ở thể phủ định, ta viết:

I don't think so. : Tôi không nghĩ thế. I don't suppose so. : Tôi không cho là thế I don't expect so. : Tôi không đoán thế.

Nhưng

I'm afraid not. : Tôi e là không. I hope not. : Tôi hy vọng là không.

Ví dụ:

- 'Is she English?' 'I think so.' Cô ta có phải người Anh không? Tôi nghĩ thế. - 'Will Tom come?' 'I expect so.' Tom sẽ đến chứ? Tôi đoán thế. - 'Has Ann been invited to the party?' 'I suppose so.' Ann đã được mời tới dự tiệc chứ? Tôi cho là thế. - 'Is it going to rain?' 'I hope not.' Trời sắp mưa chẳng? Tôi hy vọng là không.